

Số: 69/XSKT
V/v Báo cáo giám sát
tài chính năm 2023

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính năm 2023 theo một số nội dung sau:

a) Thuận lợi:

Hoạt động kinh doanh xổ số của Công ty nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự quan tâm của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Hội đồng XSKT miền Bắc; sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh.

- Công ty đã ký kết hợp đồng làm đại lý với Công ty TNHH một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam để làm đại lý xổ số tự chọn số điện toán qua thiết bị đầu cuối; góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thêm nguồn thu từ hoạt động kinh doanh xổ số cho ngân sách địa phương

b) Khó khăn:

- Sự cạnh tranh bất hợp pháp ngày càng tinh vi của tệ nạn số lô, số đề với cách thức tham gia (không cần ghi, mua vé, không cần trả tiền ngay và có thể ghi nợ nhiều lần), linh hoạt về cơ chế (hoa hồng, trả thưởng cao do trốn thuế), các website về cá độ bóng đá, số đề và các trò chơi trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội... là một thách thức không hề nhỏ diễn ra hàng ngày, hàng giờ song hành với hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do nền kinh tế trong và ngoài nước chưa hồi phục sau đại dịch Covid-19, đã tác động và ảnh hưởng tiêu cực làm giảm cầu về hoạt động vui chơi có thưởng.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh doanh năm 2023

- Chỉ tiêu tổng doanh thu là 77.971,4 triệu đồng, đạt 93,94% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (77.971,4 triệu đồng/83.000 triệu đồng).

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 1.683,28 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (1.683,20 triệu đồng/1.683,20 triệu đồng).

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước thực hiện là 14,03%, tăng 0.03% so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 14,0%.

- Chỉ tiêu thuế, phí nộp ngân sách nhà nước là 17.791,4 triệu đồng, đạt 98,29% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (17.791,4 triệu đồng/18.100 triệu đồng).

- Chỉ tiêu bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN là 1.105,93 triệu đồng, đạt 98,98% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (1.105,93 triệu đồng/1.117,3 triệu đồng).

2. Bảo toàn vốn và phát triển vốn (kèm theo biểu mẫu B06MS01)

a) Vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu năm 2022 (31/12/2022) của Công ty là 12.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn điều lệ: 9.000 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 3.000 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu năm 2023 (31/12/2023) của Công ty là 12.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn điều lệ: 12.000 triệu đồng.

+ Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 0 triệu đồng.

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{12.000 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 1$$

=> Theo quy định năm 2023 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

b) Tổng tài sản đến hết 31/12/2023: 24.491,06 triệu đồng.

c) Lợi nhuận sau thuế : 1.683,28 triệu đồng.

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{1.683,28 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 14,03 \%$$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{1.683,28 \text{ trđ}}{24.491,06 \text{ trđ}} = 6,87 \%$$

3. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

3.1. Đầu tư dự án (kèm theo biểu mẫu 02A)

Công ty triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Phòng xở số kiến thiết huyện Sơn Dương và huyện Chiêm Hóa (02 dự án đang trong giai

đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng và chờ phê duyệt chấp thuận chủ trương nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện); 01 dự án khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Tuyên Quang.

3.2. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo biểu mẫu 02B).

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

3.3. Huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

3.4. Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

a) Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật; hạch toán, mở sổ kế toán chi tiết theo dõi tài sản, thực hiện trích khấu hao tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Tổng tài sản đầu năm là 25,30 tỷ đồng, tổng tài sản cuối năm năm 2023 đạt 24,49 tỷ đồng, giảm trên 3,2% do trong năm 2023 Công ty thực hiện tạm chi trả tiền lương còn lại năm 2022, thực hiện chi trả tiền đền bù thu hồi chuyển nhượng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở phòng Xô số kiến thiết huyện Sơn Dương. Trong năm 2023, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản số tiền là 563,98 triệu đồng, thực hiện đóng bảo hiểm nhân thọ cho người lao động Công ty.

b) Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ từ năm 2014. Tình hình quản lý nợ: các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

c) Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 683,04 triệu đồng, trong đó:

- Phải thu của khách hàng (TK 131): 157,8 triệu đồng (công nợ phải thu các loại vé xô số thời điểm 31/12/2023 của Tổng đại lý xô số có sổ tiết kiệm thế chấp tại Công ty theo đúng quy định và tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ, nhân viên, người lao động và đại lý xô số)

- Trả trước cho người bán ngắn hạn (TK 331): 330,95 triệu đồng là khoản tiền tạm ứng cho đơn vị thực hiện quy hoạch, khảo sát, đo đạc dự án đầu tư xây dựng trụ sở nhà làm việc Phòng Xô số kiến thiết huyện Chiêm Hóa và huyện Sơn Dương; tiền đền bù thu hồi chuyển nhượng giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trụ sở nhà làm việc Phòng Xô số kiến thiết huyện Sơn Dương.

- Phải thu khác (TK 138): 50,03 triệu đồng là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 31/12/2023.

- Tạm ứng (TK141): 62,06 triệu đồng (số tiền tạm ứng để phục vụ công tác trả thưởng tại công ty và tiền tạm ứng đi công tác).

- Ký quỹ, ký cược (TK 244): 81,7 triệu đồng là khoản tiền góp Hội đồng Xổ số kiến thiết miền Bắc.

- Phải trả, phải nộp khác: 0,3 triệu đồng.

d) Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải trả là: 12.491,06 triệu đồng, trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 11.824,06 triệu đồng.

- Nợ dài hạn: 667,0 triệu đồng.

Trong tổng số nợ phải trả số tiền dự phòng rủi ro trả thưởng 5.264,08 triệu đồng chiếm 42,14%; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 1.408,55 triệu đồng chiếm 11,27%; người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 980,72 triệu đồng chiếm 7,85%; phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền Bắc và khách hàng trúng thưởng giải đặc biệt) là 2.514,38 triệu đồng chiếm 20,13%; Quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.296,42 triệu đồng chiếm 10,38%; Phải trả người lao động là 195,64 triệu đồng chiếm 1,56%; Phải trả người bán ngắn hạn là 139,19 triệu đồng chiếm 1,10%; Nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 667,0 triệu đồng chiếm 5,33%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của Công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát tài chính của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{14.776,78 \text{ trđ}}{11.824,06 \text{ trđ}} = 1,25$$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{12.491,06 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 1,04$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của Công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

4. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

4.1. Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
Xổ số Bốc	Vé	400.000	300.000	380.000	320.000
Xổ số Bốc 5.000đ	Vé	250.000	300.000	330.000	220.000

Xổ số Bốc 10.000đ	Vé	150.000	0	50.000	100.000
Xổ số Cặp số	Vé	780.090	900.000	837.010	843.080
XS Cặp số 10.000đ	Vé	52.000	200.000	136.800	115.200
XS Cặp số 20.000đ	Vé	476.950	700.000	588.150	588.800
XS Cặp số 50.000đ	Vé	251.140	0	112.060	139.080
Xổ số Lô tô	Vé	1.651.210	4.200.000	3.906.900	1.944.310
XS Lô tô 5.000đ	Vé	340.100	700.000	779.900	260.200
XS Lô tô 10.000đ	Vé	180.600	3.000.000	2.282.200	898.400
XS Lô tô 20.000đ	Vé	453.450	500.000	728.900	224.550
XS Lô tô 50.000đ	Vé	677.060	0	115.900	561.160
Xổ số Lô tô 3/23	Vé	108.700	2.900	13.300	98.300
XS Lô tô 10.000đ	Vé	22.500	1.000	11.300	12.200
XS Lô tô 20.000đ	Vé	86.200	1.900	2.000	86.100
Xổ số Kiến thiết	Vé	572.000	8.778.500	8.358.500	992.000
XSKT 10.000đ	Vé	481.000	8.778.500	8.267.500	992.000
XSKT 20.000đ	Vé	91000		91.000	0
Tổng cộng	Vé	3.512.000	14.181.400	13.495.710	4.197.690

4.2. Chỉ tiêu tài chính:

a) Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 24/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và Quy chế quản lý tài chính do Công ty ban hành.

Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 61.876,96 triệu đồng, đạt 97,60% so với cùng kỳ thực hiện năm 2022 (61.876,96 triệu đồng/63.399,72 triệu đồng), bằng 94,31% so với kế hoạch giao (61.876,96 triệu đồng/65.612,64 triệu đồng), trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 60.753,58 triệu đồng, bằng 96,68% so với cùng kỳ thực hiện năm 2022 (60.753,58 triệu đồng/62.837,16 triệu đồng).

- Doanh thu hoạt động tài chính là 924,47 triệu đồng, bằng 170,14% so với thực hiện năm 2022 (924,47 triệu đồng/543,35 triệu đồng).

- Thu nhập khác là 198,90 triệu đồng, so với cùng kỳ thực hiện năm 2022 là 19,20 triệu đồng tăng 179,70 triệu đồng.

b) Về chi phí: Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn Công ty, tất cả các khoản chi đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Tổng chi phí năm 2023 là 59.744,71 triệu đồng, bằng 97,48% so với thực hiện năm 2022 (59.744,71 triệu đồng/61.285,52 triệu đồng), trong đó:

- Chi phí kinh doanh là 48.549,18 triệu đồng, bằng 98,29% so với thực hiện năm 2022 (48.549,18 triệu đồng/49.392,03 triệu đồng).

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 11.081,99 triệu đồng, bằng 93,67% so với thực hiện năm 2022 (11.081,99 triệu đồng/11.830,07 triệu đồng).

- Chi phí tài chính là 0,9 triệu đồng, bằng 100% so với thực hiện năm 2022 là 0,9 triệu đồng.

- Chi phí khác là 112,62 triệu đồng, bằng 177,58% so với thực hiện năm 2022 là (112,62 triệu đồng/63,42 triệu đồng).

4.3. Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

$$ROE = \frac{1.683,28 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 14,03\%$$

$$ROA = \frac{1.683,28 \text{ trđ}}{24.491,06 \text{ trđ}} = 6,87\%$$

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 2.132,24 triệu đồng.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 1.683,28 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (1.683,20 triệu đồng/1.683,20 triệu đồng); bằng 100,27% so với thực hiện năm 2022 (1.683,20 triệu đồng/1.678,67 triệu đồng).

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 14,03%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 6,87%.

4.4. Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

a) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh:	- 1.876,6 trđ
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác:	77.239 trđ
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ:	- 4.912 trđ
- Tiền chi trả cho người lao động:	- 5.482 trđ
- Tiền chi trả lãi vay:	- 0,9 trđ
- Tiền chi nộp thuế TNDN:	- 422,7 trđ
- Tiền thu khác cho HĐKD:	3.175 trđ
- Tiền chi khác cho HĐKD:	- 71.473 trđ
b) Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:	2.326 trđ
- Tiền chi xây dựng TSCĐ:	-189 trđ
- Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng:	0 trđ
- Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác:	-11.105 trđ
- Tiền thu hồi đầu tư:	12.637 trđ
- Tiền thu lãi cho vay:	983 trđ
- Tiền thu từ đi vay:	400 trđ

- Tiền trả nợ gốc vay:	-400 trđ
c) Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: không phát sinh.	
- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:	449 trđ
- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	1.739 trđ
- Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	2.189 trđ

+ Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 1.739 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động kinh doanh trong năm 2023 là 80.414 triệu đồng; các khoản chi phục vụ cho hoạt động kinh doanh là 82.290,6 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là -1.876,6 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: Năm 2023 dòng tiền thu từ các hoạt động đầu tư 14.020 triệu đồng; các khoản chi cho hoạt động đầu tư 11.694 triệu đồng; lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 2.326 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính năm 2023 không phát sinh.

+ Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 2.189 triệu đồng.

+ Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2023: Dòng tiền tạo từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đảm bảo cân đối các chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước: năm 2023 Công ty phải nộp ngân sách số tiền 17.568,48 triệu đồng. Công ty đã nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.039,02 triệu đồng.

- Năm 2023 Công ty trích lập các quỹ số tiền là 1.088,34 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 957,67 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 130,67 triệu đồng. Trong kỳ doanh nghiệp đã sử dụng các quỹ tổng số tiền là 880,38 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 760,32 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 120,06 triệu đồng.

6. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật.

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm đúng quy định, nộp báo cáo Tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác đúng quy định.

7. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các ý kiến của kiểm toán độc lập, Kiểm soát viên Công ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(có các mẫu biểu số 02.A; 02.C; 02.D; 05.A; 05.B và B06MS01 kèm theo Báo cáo).

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh | (báo cáo);
- Sở Tài chính
- Kiểm soát viên;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, KT-TV.

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

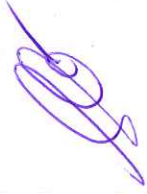
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Thực hiện đến ngày 31/12/2023 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2023 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các dự án nhóm A																		
B Các dự án nhóm B																		
C Các dự án khác																		
1	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	638.5	638.5	100%		Trên 240 ngày						562.5	562.5		562.5	562.5	
	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	419.8	419.8	100%		Trên 240 ngày						334.1	334.1		334.1	334.1	
	Khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	Quyết định số 54/QĐ-XS ngày 15/5/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	177.4	177.4	100%		Trên 240 ngày						140.0	140.0		140.0	140.0	
	Cộng		1,235.7	1,235.7									1,036.6	1,036.6		1,036.6	1,036.6	

GHI CHÚ: - Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án của chủ tịch Công ty vì số vốn đầu tư vào ít hơn 50% số vốn chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định đầu tư. Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
			(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1 Sản lượng SXSP chủ yếu							
2 Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3 Tồn kho cuối kỳ							
B Chỉ tiêu tài chính							
1 DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62,905	62,837	65,612	60,754	97%	97%	93%
2 Giá vốn hàng bán							
3 LN gộp BH và cung cấp DV	13,045	13,445		12,204	94%	91%	
4 Doanh thu hoạt động tài chính	606	543		924.4	153%	170%	
5 Chi phí tài chính							
6 Chi phí bán hàng							
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,628	11,830		11,082	95%	94%	
8 LN thuần từ hoạt động KD	2,023	2,158	-	2,046	101%	95%	
9 Thu nhập khác	27	19		198.9	737%	1036%	
10 Chi phí khác	103.6	63.4		112.6	109%	178%	
11 Lợi nhuận khác	(76.6)	(44.2)	-	86.3	113%	195%	
12 Tổng LN kế toán trước thuế	1,947	2,114	2,104	2,132	110%	101%	101%
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	287	436	421	448	156%	103%	106%
14 Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15 Lợi nhuận sau thuế DN	1,660	1,678	1,683	1,683	101%	100%	100%

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

GIÁM ĐỐC




Vương Trọng Khánh

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

DVT: đồng

TT	Chi tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển kỳ tiếp theo
1	Thuế	976,403,775	16,789,773,671	16,997,759,366	768,418,080
+	Thuế GTGT	506,015,109	7,024,242,608	6,958,334,890	571,922,827
+	Thuế TTDB	738,466,601	9,140,098,254	9,133,484,395	745,080,460
+	Thuế TNDN	3,090,429	448,955,850	422,780,213	29,266,066
+	Thuế TNCN	(271,168,364)	176,476,959	483,159,868	(577,851,273)
+	Thuế đất	-	-	-	-
2	Các khoản phải nộp khác	-	154,502,699	154,502,699	-
+	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	154,502,699	154,502,699	-
3	LN sau thuế còn lại sau khi trích lập + năm trước	316,415,886	624,208,272	886,763,121	53,861,037
4	Tổng cộng 4=1+2+3	1,292,819,661	17,568,484,642	18,039,025,186	822,279,117

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2023

DVT: đồng

	Chi tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ đầu tư phát triển	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	930,339,288	957,668,327	760,319,192	1,127,688,423
3	Quỹ thưởng VCCQIDN	158,121,670	130,668,750	120,060,833	168,729,587
4	Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp				-
5	Quỹ đặc thù khác nếu có(Dự phòng trả thưởng)	7,047,578,544		1,783,496,966	5,264,081,578
6	Tổng cộng 6=1+2+3+4+5	11,136,039,502	1,088,337,077	5,663,876,991	6,560,499,588

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

GIÂM ĐỐC

Lương Việt Hân

Vương Trọng Khánh



DANH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2023

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu 1			Chi tiêu 2				Chi tiêu 3				Chi tiêu 4	Chi tiêu 5	Xếp loại doanh nghiệp				
Doanh thu (Triệu đồng)			LN sau thuế (Triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (Triệu đồng)		Tỷ suất LN sau thuế/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại		
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (Tr.đồng)	Nợ NH (Tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)				Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Nợ quá hạn (Tr.đồng)
65,612.64	61,876.96	B	1,683.2	1,683.2	12,000	12,000	14.0%	14.0%	A	14,776.78	11,824.06	1.250	-	-	A	A	A

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Lương Việt Hàn



Wương Trọng Khánh

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2023

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu		Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang	14.00%	14.03%	A	Thực hiện tốt	A

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 06MS01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2023

Chi tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A Vốn chủ sở hữu, trong đó:	12,000 tr.đ	12,000 tr.đ	1.000
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9,000 tr.đ	12,000 tr.đ	
2 Quỹ đầu tư phát triển	3,000 tr.đ	- tr.đ	
3 Nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	
B Tổng tài sản	25,309 tr.đ	24,491 tr.đ	
C Lợi nhuận sau thuế	x	1,683.2 tr.đ	
D Hiệu quả sử dụng vốn			
1 Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	x	14.03%	x
2 Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	x	6.87%	x

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lương Việt Hàn

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2024
GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

